#  UBND TỈNH QUẢNG TRỊ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

 Số: /SNN - ĐA *Quảng Trị, ngày tháng 3 năm 2019*

**Dự thảo lần 2**

**ĐỀ ÁN**

**Hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**Phần mở đầu**

**SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp là một chủ trương đúng đắn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và nông dân có cơ hội liên kết để sản xuất hàng hóa nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất. Sau 05 năm triển khai Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn, diện tích cánh đồng lớn đạt 6.056,6 ha, quy mô mỗi cánh đồng từ 20 - 50 ha, tập trung ở 4 huyện trọng điểm lúa trên địa bàn tỉnh. Một số mô hình phát huy hiệu quả tích cực như mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hữu cơ, áp dụng công nghệ Obi-Ong biển; mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu mang lại hiệu quả kinh tế cao gấp 1,2 - 1,5 lần so với sản xuất truyền thống; mô hình liên kết 4 nhà “UBND tỉnh Quảng Trị - Công ty cổ phần TPXK Đồng Giao - Học viện nông nghiệp Việt Nam - HTX/THT trồng Dứa” triển khai mở rộng 146 ha... Tuy nhiên phạm vi chính sách này tập trung chủ yếu cho lĩnh vực trồng trọt, đặc biệt là cây lúa mà chưa đề cập đến các lĩnh vực sản xuất khác như chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp; chính sách quy định còn dàn trải, chưa tập trung giải quyết những yêu cầu cấp thiết như bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; thiếu các chế tài xử lý các tranh chấp hợp đồng, điều kiện hỗ trợ còn cao, định mức hỗ trợ chưa hấp dẫn, thủ tục rườm rà, phức tạp.

Để khắc phục tình trạng trên, Chính phủ ban hành Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/07/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định 98), và quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, việc xây dựng đề án “**Hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”** nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh là cấp thiết, phù hợp với xu thế hội nhập.

**II. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 của Quốc hội khóa XIII ngày 19/6/2015;

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 của Quốc hội khóa XIII, ngày 22/6/2015;

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngay 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông

- Quyết định số 899/QĐ- TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

- Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư 08/2017TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Nghị quyết số 04/NQ-TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy về Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025;

- Nghị quyết 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020;

- Nghị quyết 03/2017/NQ- HĐND ngày 23/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025;

- Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018 - 2021;

- Thực trạng, tiềm năng của tỉnh hiện nay, xu thế phát triển trong nước và thế giới.

**III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**1. Phạm vi**

Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất gắn tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và diêm nghiệp (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

*(Có Danh mục các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm)*

**2. Đối tượng áp dụng**

a. Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).

b. Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).

c. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).

d. Doanh nghiệp.

e. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị định này.

**3. Thời gian thực hiện:** Giai đoạn 2020- 2025, định hướng đến 2030

**Phần thứ nhất**

**THỰC TRẠNG VỀ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC, LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2013- 2018.**

**I. THỰC TRẠNG VỀ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC, LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2013- 2018.**

**1. Kết quả thực hiện phát triển hợp tác liên kết sản xuất gắn tiêu thụ nông sản** *(Theo Quyết định số 62/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng chính Chính phủ).*

Thời gian qua, các địa phương trên địa bàn tỉnh đã triển khai thực hiện được nhiều mô hình sản xuất cánh đồng lớn, diện tích tăng qua các năm, hiệu quả mang lại cao hơn so với sản xuất đại trà. Mô hình cánh đồng lớn bắt đầu được triển khai thực hiện từ vụ Đông Xuân 2014 - 2015 với diện tích ban đầu 310 ha lúa, đến năm 2018diện tích cánh đồng lớn đạt 6.056,6 ha, quy mô mỗi cánh đồng từ 20 - 50 ha, tập trung ở 4 huyện trọng điểm lúa trên địa bàn tỉnh.

Quảng Trị đã lựa chọn đối tượng cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh và xây dựng cơ chế chính sách đặc thù nhằm tập trung nguồn lực đầu tư phát triển các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, hỗ trợ người dân mở rộng sản xuất, đổi mới hoạt động của hợp tác xã, khuyến khích thành lập tổ hợp tác, hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị cho hợp tác xã, tổ hợp tác để trở thành đầu kéo, cầu nối giữa doanh nghiệp, nhà đầu tư với người nông dân.

Kết nối với các Doanh nghiệp, Tập đoàn lớn để liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân như kết nối với Công ty CP Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao để sản xuất và tiêu thụ Dứa; Công ty CP Nông sản hữu cơ để sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ; Công ty Thương mại Quảng Trị để sản xuất và tiêu thụ ngô, sắn; Hỗ trợ thành lập các nhóm sản xuất cà phê sạch, liên kết tiêu thụ với các nhà máy chế biến cà phê trên địa bàn Hướng Hóa…

Thu hút, liên kết với nhiều Doanh nghiệp lớn để sản xuất theo chuỗi giá trị:

- *Liên kết với Công ty TNHH Đại Nam* để tổ chức các cánh đồng lớn sản xuất lúa hữu cơ. Trong 02 năm 2017-2018 liên kết sản xuất được gần 400 ha lúa theo hướng hữu cơ, sử dụng công nghệ Obi- Ong biển mang lại hiệu quả trên cả 3 mặt kinh tế, xã hội và môi trường, giúp nâng cao nhận thức của người nông dân về canh tác theo hướng hữu cơ, đảm bảo an toàn thực phẩm, tạo ra sản phẩm nông sản sạch, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Xây dựng thành công thương hiệu gạo hữu cơ Quảng Trị, đã có mặt trên thị trường và trở thành thương hiệu mạnh, được đưa vào phân phối tại các chuỗi siêu thị lớn trên toàn quốc.

- *Liên kết với Công ty CP TPXK Đồng Giao - Ninh Bình[[1]](#footnote-2) v*ề phát triển vùng nguyên liệu dứa theo hướng cánh đồng lớn với diện tích 146 ha, tiến tới phát triển quy mô đạt trên 1.000 ha, đảm bảo cung ứng cho Cty CPTPXK Đồng Giao và định hướng xây dựng nhà máy chế biến Dứa ngay tại Quảng Trị. Mô hình này bước đầu đã đem lại thu nhập cao cho người dân, tạo tiền đề hình thành các tổ hợp tác liên kết sản xuất với doanh nghiệp, sản xuất cùng một loại cây, một quy trình, đặc biệt áp dụng màng phủ ni lông trên toàn bộ diện tích trồng Dứa, tạo ra sản phẩm đồng nhất về mẫu mã, chất lượng, thuận lợi trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích.

 **2. Kết quả hỗ trợ khuyến khích về hợp tác, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh.** *(Ngoài các nội dung theo Quyết định số 62/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng chính Chính phủ)*

**a) Lĩnh vực Trồng trọt**

*\* Hợp tác với Tập đoàn Sumitomo (Nhật bản)[[2]](#footnote-3):* Thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất tại thôn Cang Gián, xã Trung Giang, huyện Gio Linh. Đến nay, đã xây dựng được 02 nhà màng với quy mô 500m2, đồng thời tổ chức triển khai thực hiện 02 vụ sản xuất dưa lưới theo công nghệ Nhật Bản, đem lại kết quả cao về sản lượng, chất lượng sản phẩm và kết nối với siêu thị Intimex - Hà Nội tiêu thụ hết toàn bộ sản lượng. Trong thời gian tới, tiếp tục phối hợp với Tập đoàn Summoto (Nhật Bản) nhân rộng mô hình nông nghiệp công nghệ cao với các nội dung như lắp đặt thêm nhà kính để trồng cà chua, măng tây, tỏi...

*\* Liên kết, hợp tác với Công ty Nafood - Tây Bắc xây dựng mô hình trồng chanh leo:* Đã triển khai trồng được 12 ha Chanh leo tại huyện Hướng Hóa. Sản phẩm sẽ được Doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm theo giá thị trường và Bảo hiểm giá khi giá thị trường xuống thấp, đảm bảo có lợi nhất cho người dân.

\* Ngoài ra, tỉnh đang hỗ trợ, kết nối các tập đoàn lớn đến khảo sát, đầu tư nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn (Tập đoàn FLC về xây dựng, quy hoạch khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; ISE Foods về trồng Ngô, Nuôi gà đẻ trứng xuất khẩu; Công ty Nafoods Tây Bắc về trồng chanh leo; Tập đoàn Nedspice – Hà Lan hỗ trợ sản xuất và thu mua gia vị (tiêu, nghệ…); Tổ chứ**c** Y tế Hà lan về dự án trồng Thanh Long xuất khẩu…)

**b) Lĩnh vực Chăn nuôi**

Trong những năm qua, tình hình liên kết trong chăn nuôi bước đầu hình thành và phát triển, các mô hình chăn nuôi có đầu tư lớn với quy mô gia trại, trang trại ngày càng nhiều. Toàn tỉnh hiện có trên 50 mô hình chăn nuôi có quy mô tưởng đối, chủ yếu là chăn nuôi lợn, gà; trong đó có 04 hợp tác xã, 48 trang trại, gia trại chăn nuôi gia công liên kết với các công ty thức ăn chăn nuôi như CP (18 trại lợn, 11 trại gà), Công ty Goolden Star (17 trại chăn nuôi gà), Công ty Thái Việt (02 trại lợn); 03 doanh nghiệp đã lập dự án đầu tư vào chăn nuôi. Có 02 hình thức liên kết trong chăn nuôi tại Quảng Trị gồm:

- Liên kết dọc: Có 48 mô hình liên kết theo chuỗi từ con giống, thức ăn, tiêu thụ sản phẩm giữa trang trại chăn nuôi lợn và các công ty thức ăn chăn nuôi như CP, Goolden Star và Thái Việt, các công ty bao tiêu 100% sản phẩm đầu ra.

- Liên kết ngang: Liên kết giữa các hộ chăn nuôi với nhau trong một vài khâu của quá trình sản xuất như quy trình nuôi, nguồn thức ăn, tiêu thụ sản phẩm. Lợi ích của hình thức liên kết này là tăng năng lực cạnh tranh cho các thành viên tham gia liên kết, đáp ứng được số lượng sản phẩm lớn cho thị trường so với chăn nuôi từng hộ. Hình thành một số Hợp tác xã chăn nuôi có hiệu quả như HTX Thành Công, HTX Đoàn Kết, HTX Tứ Hải... Tuy nhiên, khó khăn của hình thức liên kết này là tiêu thụ sản phẩm chưa ổn định, phụ thuộc vào thị trường.

**c) Lĩnh vực Thủy sản**

Lĩnh vực Thuỷ sản đang phát triển theo hướng bền vững, từng bước phấn đấu trở thành ngành kinh tế mạnh của tỉnh. Công tác quản lý nuôi trồng, sản xuất giống thủy sản trên địa bàn tỉnh có những bước phát triển nhanh, năng suất được nâng cao, nghề nuôi tôm trở thành nghề sản xuất hàng hóa có giá trị cao, tăng thu nhập, cải thiện đời sống của người dân, nhiều người đã vươn lên làm giàu.

Liên kết trong lĩnh vực thủy sản còn gặp rất nhiều khó khăn. Thời gian qua, Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam đã ủy quyền lại cho các hộ kinh doanh và Doanh nghiệp tư nhân Thương mại dịch vụ Turbo tiến hành ký kết biên bản thỏa thuận với các hộ nuôi tôm. Tuy nhiên, do giá cả phụ thuộc nhiều vào thị trường nên các bên đã phá vỡ hợp đồng thỏa thuận, vì vậy hiệu quả của việc liên kết chưa đạt được như mong muốn.

**d) Lĩnh vực Lâm nghiệp**

Lâm nghiệp Quảng Trị đã có những chuyển biến tích cực, từ sản xuất theo truyền thống lấy quốc doanh làm nòng cốt, khai thác rừng tự nhiên là chủ yếu sang sản xuất lâm nghiệp mang tính xã hội hoá nghề rừng ngày càng cao, đa thành phần, đa nguồn lực đầu tư cho bảo vệ, phát triển rừng.

Nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học được áp dụng thành công. Tỉnh Quảng Trị được đánh giá là một tỉnh đi đầu trong cả nước về công tác xây dựng chứng chỉ rừng FSC[[3]](#footnote-4). Một số Hợp tác xã có diện tích rừng FSC lớn trên địa bàn tỉnh đã có bước đầu liên kết với các doanh nghiệp chế biến gỗ để liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm như HTX Phú Hưng, HTX Cam An, HTX Kinh Môn… liên kết tiêu thụ sản phẩm với Công ty cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị và một số Doanh nghiệp tư nhân trong và ngoài tỉnh, tuy nhiên mức độ và quy mô liên kết vẫn chưa đạt kết quả cao.

**e) Về quản lý chất lượng nông lâm sản.**

Chất lượng sản phẩm nông sản là yêu cầu cấp thiết hiện nay, đặc biệt là yếu tố quan trọng để thúc đẩy liên kết, vì vậy thời gian qua tỉnh đã tập trung thực hiện tốt công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm cũng như quy trình sản xuất và quản lý. Đã xác nhận 08 chuỗi cung ứng sản phẩm đạt chất lượng thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh[[4]](#footnote-5). Hỗ trợ chứng nhận cho 03 cơ sở sản xuất sản phẩm nông lâm thủy sản áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, đảm bảo an toàn thực phẩm[[5]](#footnote-6).

**3. Kết quả phát triển các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp.**

**3.1. Phát triển kinh tế hợp tác:**

***a) Về phát triển hợp tác xã nông nghiệp:***

Toàn tỉnh hiện có 288 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật HTX năm 2012. Tổng số thành viên các hợp tác xã nông nghiệp là 72.523 thành viên. Doanh thu bình quân 874,8 triệu đồng/HTX, lợi nhuận bình quân 114 triệu đồng/HTX.

Hầu hết trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, chủ yếu là loại hình hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp chiếm 90% và chỉ có 10% hợp tác chuyên ngành (lợn, thủy sản, cà phê, cao dược liệu..).

Bước đầu đã xuất hiện một số mô hình HTX kiểu mới hoạt động đúng bản chất và đưa lại hiệu quả kinh tế, tập trung phát triển tạo ra sản phẩm chủ lực, có lợi thế như: hồ tiêu, cà phê, sản xuất rau củ quả công nghệ cao, cao dược liệu, chăn nuôi lợn, chăn nuôi gà, canh tác lúa theo hướng tự nhiên...Đồng thời chủ động tìm kiếm để liên kết với các doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Nhiều sản phẩm của các Hợp tác xã đã được kết nối và có mặt trên thị trường như sản phẩm đậu xanh tại Vĩnh Giang, chuối sấy tại xã Tân Thành và gạo canh tác tự nhiên tại Triệu Phong với Công ty Hòn Đất, sản phẩm Dưa lưới với Siêu thị Big C.

Thông qua các Hội nghị kết nối cung cầu, các Hội thảo để kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh, nhiều Hợp tác xã đã ký kết biên bản ghi nhớ tiêu thụ sản phẩm với các nhà phân phối như Big C Đà Nẵng[[6]](#footnote-7), Coopmart Quảng Trị[[7]](#footnote-8), Công ty Nông sản Hữu cơ Quảng Trị[[8]](#footnote-9)…

Hoạt động các hợp tác xã nông nghiệp đã có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng dịch vụ ngày một nâng cao và thể hiện được vai trò, vị trí trong phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn. Nhiều hợp tác xã thực sự hạt nhân thực hiện vai trò “Bà đỡ” cho kinh tế hộ, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, vai trò trung gian trong cung cấp các khâu dịch vụ đầu vào và đầu ra cho thành viên, đem lại lợi ích và thu nhập cho người dân và đóng góp tích cực trong xây dựng nông thôn mới.

***b) Về phát triển tổ hợp tác trong nông nghiệp***

Toàn tỉnh có 2.668 THT, với 31.737 thành viên trong đó, lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp có 235 THT *(trong đó 200 THT đã được chứng thực theo Nghị định 151/NĐ-CP).* Tổ hợp tác là mô hình thích hợp nhất để khắc phục có hiệu quả một số mặt còn yếu của kinh tế hộ, vừa tham gia xóa đói, giảm nghèo và góp phần tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trên thị trường. Đây là loại hình rất năng động và có hiệu quả ở nông thôn không chỉ giúp nhau phát triển kinh tế, liên kết trong tổ chức sản xuất mà là tiền đề để hình thành các mô hình HTX kiểu mới ở nông thôn hiện nay. Số lượng tổ hợp tác khá lớn nhưng liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn rất hạn chế. Bước đầu đã hình thành một số liên kết nhỏ trong đầu vào và tiêu thụ sản phẩm giữa các tổ hợp tác và các doanh nghiệp trong lĩnh vực cà phê và cao su tại như các tổ nhóm cà phê ở Hướng Phùng – Hướng Hóa, các nhóm cao su ở Cam Lộ, Hướng Hóa…Tuy nhiên quy mô liên kết còn nhỏ và chưa mang tính bền vững.

**3.2. Phát triển kinh tế trang trại:**

Đây là loại hình tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội, góp phần hình thành vùng hàng hóa tập trung, quy mô lớn và giải quyết việc nhiều làm cho người lao động. Tính đến nay, toàn tỉnh Quảng Trị có 98 trang trại, trong đó có 04 trang trại trồng trọt, 74 trang trại chăn nuôi, 01 trang trại lâm nghiệp, 03 trang trại thủy sản và 16 trang trại tổng hợp. Số trang trại được cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại[[9]](#footnote-10) là 80 trang trại.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 48 mô hình liên kết theo chuỗi từ con giống, thức ăn, tiêu thụ sản phẩm giữa trang trại chăn nuôi lợn và các công ty thức ăn chăn nuôi như CP, Goolden Star và Thái Việt, các công ty này bao tiêu 100% sản phẩm đầu ra.

Tuy nhiên vấn đề liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của các loại hình trang trại vẫn còn đơn điệu, chủ yếu là liên kết trong các khâu dịch vụ đầu vào, chưa có hợp đồng ổn định tiêu thụ đầu ra nên còn phụ thuộc lớn vào biến động thị trường.

**3.3. Phát triển các loại hình doanh nghiệp trong nông nghiệp**

Tính đến nay, tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là 3.257 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký trên 15.000 tỷ đồng. Vốn sản xuất kinh doanh hàng năm đạt 39.270 tỷ đồng, doanh thu thuần 42.100 tỷ đồng.

Hầu hết doanh nghiệp đang hoạt động của tỉnh là doanh nghiệp có quy mô nhỏ và siêu nhỏ. Phần lớn doanh nghiệp ở tỉnh ta hoạt động chủ yếu trên lĩnh vực thương mại - dịch vụ và xây dựng, lĩnh vực nông nghiệp có 320 doanh nghiệp, chiếm 10%. Điều đó, cho thấy sức hút đầu tư vào nông nghiệp còn thấp, nhiều doanh nghiệp chưa mạnh đầu tư vào nông nghiệp- nông thôn.

Số doanh nghiệp trong tỉnh có liên kết với nông dân trong sản xuất- chế biến- tiêu thụ nông sản còn rất ít, nổi bật hiện nay có Công ty cổ phần - Tổng Công ty thương mại Quảng Trị, Công ty Nông sản Hữu cơ Quảng Trị... còn lại chủ yếu tham gia với vai trò thương lái.

**4. Đánh giá chung về kết quả thực hiện và khó khăn vướng mắc.**

**4.1. Những kết quả đạt được**

Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn là một chủ trương đúng đắn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và nông dân có cơ hội liên kết để sản xuất hàng hóa nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất.

Công tác chỉ đạo, triển khai, tuyên truyền chính sách đã được các cấp, các ngành, các địa phương triển khai sâu rộng đến các thành phần kinh tế, các tổ chức đại diện của nông dân và đông đảo nhân dân trên địa bàn tỉnh; nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tích cực tham gia xây dựng, thực hiện chuỗi liên kết.

Thực trạng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị mặc dù còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế, tuy nhiên bước đầu đã đạt được một số kết quả tích cực. Sau 05 năm triển khai, diện tích cánh đồng lớn đạt 6.056,6 ha, xuất hiện nhiều mô hình liên kết quy mô lớn trong lĩnh vực trồng trọt, hình thành các cánh đồng quy mô lớn, khuyến khích tích tụ ruộng đất, ứng dụng khoa học kỹ thuật, áp dụng các quy trình canh tác đồng bộ, sử dụng đồng nhất loại giống, tạo ra vùng nguyên liệu ổn định, thu hút doanh nghiệp và đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Trong chăn nuôi đã hình thành các hình thức chăn nuôi liên kết như Hợp tác xã, Tổ hợp tác giữa các hộ chăn nuôi từ khâu sử dụng chung một loại thức ăn, được hướng dẫn cùng một quy trình kỹ thuật và cùng tiêu thụ chung một phần sản phẩm (HTX Đoàn Kết, HTX Thống Nhất, huyện Cam Lộ; HTX Thành Công huyện Vĩnh Linh; HTX Long Hưng, HTX Phú Hưng, HTX gà Tứ Hải huyện Hải Lăng, HTX chăn nuôi gà Triệu Phong...). Tuy số lượng HTX, Tổ hợp tác trong chăn nuôi vẫn còn ít, chưa có hợp đồng tiêu thụ ổn định và bền vững.

Vai trò của các Hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại được cũng cố và phát triển, xuất hiện nhiều mô hình HTX kiểu mới hoạt động đúng bản chất và đưa lại hiệu quả kinh tế, nhiều HTX đã lựa chọn và ưu tiên tập trung phát triển để tạo ra sản phẩm chủ lực, có lợi thế của tỉnh như: hồ tiêu, cà phê, sản xuất rau củ quả công nghệ cao, cao dược liệu, chăn nuôi lợn, chăn nuôi gà, canh tác lúa theo hướng tự nhiên...Nhiều hợp tác xã này tìm được hướng đi phù hợp, phát triển sản xuất kinh doanh gắn với sản phẩm có lợi thế, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, chú trọng thị trường đầu ra và định hướng phát triển theo chuỗi giá trị sản phẩm.

Một số Hợp tác xã đã chủ động xây dựng được liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp, tuy quy mô còn nhỏ nhưng bước đầu đã đem lại hiệu quả nhất định, điển hình có HTX Chân Mây Bắc Hướng Hóa với sản phẩm cà phê hữu cơ, sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết với Doanh nghiệp vừa là thành viên vừa là đối tác tiêu thụ đầu ra cho Hợp tác xã; Hợp tác xã Hồ tiêu Vĩnh Linh xây dựng thương hiệu sản phẩm với quy mô toàn huyện, liên kết hầu hết các hộ sản xuất hồ tiêu để cùng xây dựng nhãn hiệu tập thể, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm. Ngoài ra, HTX cũng chú trọng sản xuất và phát triển sản phẩm theo nhu cầu thị trường, đảm bảo lợi ích của người tiêu dùng, từng bước khẳng định chất lượng sản phẩm của mình như phát triển sản phẩm theo hướng hữu cơ, canh tác tự nhiên như HTX Nông sản sạch Triệu Phong với sản phẩm Gạo sạch, HTX Chăn nuôi Gà Triệu Thượng, HTX chăn nuôi Gà Tứ Hải với sản phẩm gà sạch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, HTX Nguyên Khang garden với sản phẩm rau thủy canh, dưa lưới; HTX Thành Công với công nghệ làm mát tự động trong chăn nuôi lợn, trồng rau thủy canh; HTX Trường Sơn với sản phẩm dưa lưới, dưa hấu; HTX Phú Hưng với liên kết tiêu thụ sản phẩm gỗ rừng trồng FSC, HTX Đoàn Kết liên kết và ứng dụng công nghệ trong chăn nuôi lợn…

**4.2. Những tồn tại, hạn chế**

Tình hình hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ thời gian qua trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều hạn chế, mới chỉ tập trung chủ yếu cho lĩnh vực trồng trọt, đặc biệt là cây lúa và cây dứa, chính sách quy định còn dàn trải, chưa tập trung giải quyết những yêu cầu cấp thiết như bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở một số nơi vẫn còn mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu, chưa nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc, bức xúc trong nông dân để có những giải pháp giải quyết kịp thời;

Quy mô sản xuất vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ, công tác dồn điền đổi thửa thực hiện chưa triệt để; tích tụ ruộng đất thấp, việc ứng dụng công nghệ tiên tiến còn ít, tập quán sản xuất của người nông dân chậm thay đổi, thiếu sự nhanh nhạy trước biến động của thị trường, thất thoát sau thu hoạch còn rất lớn,...

Doanh nghiệp của tỉnh chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; tỷ lệ doanh nghiệp/vạn dân còn thấp so với trung bình cả nước và một số tỉnh trong khu vực; địa bàn và lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh phát triển không đồng đều, doanh nghiệp tập trung ở địa bàn vùng đồng bằng, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến còn ít, nhất là trong lĩnh vực chế biến nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Phần lớn doanh nghiệp của tỉnh chưa quan tâm đến việc xây dựng thương hiệu sản phẩm và nghiên cứu thị trường, còn phụ thuộc nhiều vào thị trường tại chỗ; nhiều doanh nghiệp chưa xây dựng được chiến lược, kế hoạch kinh doanh. Một số doanh nhân còn mang nặng tâm lý sản xuất nhỏ, lẻ; tính liên kết, hợp tác kinh doanh quy mô lớn nhằm tham gia chuỗi giá trị còn chưa có nhiều.

Các yếu tố liên kết trong sản xuất còn lỏng lẻo, thiếu ràng buộc, chưa có sự kết nối giữa các vùng, miền và giữa các địa phương nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa đồng nhất về chất lượng và đủ số lượng cho nhu cầu thị trường; việc khai thác thế mạnh để phát triển các sản phẩm hàng hóa của các tiểu vùng sinh thái (*ven biển, đồng bằng, miền núi*) chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có;

Vai trò của các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, kinh tế hợp tác thể hiện chưa rõ nét, chưa thích ứng với cơ chế thị trường, quy mô nhỏ lẻ; trình độ, năng lực quản lý của nhiều cán bộ HTX còn hạn chế; hoạt động hỗ trợ cho kinh tế hộ còn đơn điệu chủ yếu là dịch vụ đầu vào, sản xuất chưa tập trung; kinh tế trang trại tuy có tăng qua từng năm nhưng quy mô còn nhỏ, giá trị gia tăng chưa cao;

Nhiều HTX chưa xây dựng được nhãn hiệu sản phẩm cho riêng mình hoặc nhiều sản phẩm chưa được xây dựng, đăng ký theo quy chuẩn như: vietgap, chuỗi an toàn vệ sinh thực phẩm... nên phần nào bị hạn chế trong các giao dịch với doanh nghiệp để kết nối thị trường tiêu thụ.

Đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất chưa đồng bộ, nhất là vùng cát ven biển, vùng đồi núi, vùng sản xuất cây trồng cạn và cây lâu năm; Việc mở rộng quy mô sản xuất của các HTX gặp nhiều khó khăn do thiếu đất, các địa phương chưa có vùng quy hoạch sản xuất rõ ràng.

Các sản phẩm tạo ra của các mô hình, dự án cánh đồng lớn hiện nay thiếu các Doanh nghiệp liên kết, bao tiêu sản phẩm, số lượng các Doanh nghiệp liên kết sản xuất trên địa bàn còn hạn chế. Vấn đề dự báo thị trường của cơ quan quản lý còn nhiều hạn chế, xây dựng và phát triển thương hiệu, tìm kiếm đầu ra cho nông sản còn lúng túng, gặp nhiều khó khăn

Chính sách tín dụng hỗ trợ cho các chủ thể vay vốn để phát triển sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp đang còn gặp nhiều khó khăn, bất cập và chưa tương thích giữa cơ chế với triển khai thực hiện. Vì vậy, vay vốn ở nông thôn đang là rào cản của người nông dân trong phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, đặc biệt là xây dựng các liên kết..

**Phần thứ hai**

**NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN**

**I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

1. **Quan điểm**

- Thúc đẩy phát triển liên doanh, liên kết theo hướng toàn diện trong tất cả các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, trong đó, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, lợi thế của từng lĩnh vực đã được phê duyệt. Chuyển dần hỗ trợ đầu vào sang hỗ trợ các khâu thu hoạch, sơ chế, chế biến và đặc biệt là tiêu thụ sản phẩm.

- Dành một phần kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh để hỗ trợ khuyến khích liên doanh, liên kết trong sản xuất và tiệu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với quy định của Luật đầu tư và các văn bản có liên quan khác để tạo khung pháp lý cho việc thực hiện hợp tác, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Đảm bảo tính khả thi cao trong triển khai thực hiện chính sách.

**2. Mục tiêu**

* 1. **Mục tiêu chung**

Thúc đẩy doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tham gia liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tạo kết nối chuỗi sản xuất và tiêu thụ nông sản bền vững. Giải quyết vấn đề cấp bách hiện nay đối với sản xuất nông nghiệp là sản xuất phải gắn với tiêu thụ và thương hiệu, nguồn gốc sản phẩm.

 Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao, phát triển công nghiệp chế biến nông sản gắn với thị trường, xây dựng thương hiệu hàng hóa, nâng cao hiệu quả sản xuất và bảo vệ môi trường.

Đổi mới, phát triển các tổ chức nông dân, HTX thông qua liên kết, xây dựng vùng nguyên liệu ổn định phục vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Hình thành các liên kết chuỗi từ dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thông qua các hợp đồng kinh tế;

- Sắp xếp, tổ chức lại các hình thức tổ chức ở nông dân, HTX thông qua vai trò liên kết bền vững; hình thành vùng nguyên liệu tập trung, ổn định hạn chế tình trạng “được mùa mất giá”;

- Nâng cao hiệu lực pháp lý và hệ thống tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nông sản giữa doanh nghiệp và người sản xuất;

- Nâng cao giá trị gia tăng của các bên tham gia liên kết, hợp tác cùng chia sẽ lợi ích.

- Năm 2020: Phấn đấu xây dựng từ 1 - 3 chuỗi liên kết.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Phấn đấu xây dựng từ 3 - 5 chuỗi liên kết/năm.

**II. NGUYÊN TẮC, ĐIỀU KIỆN ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁC BÊN THAM GIA LIÊN KẾT**

**1. Các hình thức liên kết**

a. Liên kết từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

b. Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

c. Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

d. Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

e. Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

f. Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

g. Liên kết sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

**2. Nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ:**

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Ưu tiên ngành hàng, sản phẩm quan trọng, chủ lực của tỉnh, của địa phương, sản phẩm thuộc Chương trình OCOP; ưu tiên địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn của tỉnh;

Ngoài các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, khuyến khích huy động các nguồn vốn hỗ trợ hợp pháp khác để thúc đẩy liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

**3. Điều kiện để được hỗ trợ:**

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

**4. Quyền, nghĩa vụ các bên tham gia liên kết**:

Thực hiện theo Điều 13, Điều 14, Điều 15 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

**III. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ**

**1.** **Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết:**

Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

*(Áp dụng theo Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ)*

**2.** **Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết:**

- Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị, cơ sở hạ tầng phục vụ sơ chế, bảo quản, chế biến; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 5 tỷ đồng.

**3. Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông:**

1. Hỗ trợ 100% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình ở vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền; 70% ở địa bàn trung du, miền núi, bãi ngang; 50% vùng đồng bằng.

*(Vận dụng theo Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 29 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông).*

 b) Hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao.

*(Vận dụng theo Điểm d, Khoản 1, Điều 29 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông)*

 c) Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn);

**4. Hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo kỹ thuật**

- Đối tượng nhận chuyển giao khoa học kỹ thuật - công nghệ: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, học tập mô hình khuyến nông theo quy định hiện hành.

- Đối tượng chuyển giao khoa học kỹ thuật - công nghệ: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, đi lại, tiền ăn, nơi ở trong thời gian đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông; hỗ trợ 100% chi phí giảng viên, trợ giảng, hướng dẫn tham quan, tổ chức lớp học.

*(Về nội dung hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo kỹ thuật quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ;về định mức hỗ trợ cụ thể vận dụng Điều 27 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông)*

**5. Hỗ trợ đào tạo nghề**

Người học nghề được hỗ trợ chi phí đào tạo đối với Chương trình đào tạo nghề dưới 03 tháng và cấp chứng chỉ. Mức hỗ trợ cụ thể đề nghị thực hiện theo Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 16/4/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành danh mục, mức chi phí hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, dạy nghề dưới 3 tháng cho lao động nông thôn, người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**6. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã:**

Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm theo dự án được cấp cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 3 vụ/chu kỳ sản xuất, cụ thể:

- Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm.

- Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (bao gồm: các loại phân bón, hóa chất, thức ăn chăn nuôi) ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo.

- Hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn trung miền núi, bãi ngang.

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn đồng bằng.

 (*Áp dụng theo khoản 6, điều 1, thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020)*

**7. Hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao khoa học kỹ thuật mới, không quá 300 triệu đồng.**

Nội dung hỗ trợ căn cứ theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ; mức hỗ trợ “tối đa không quá 300 triệu đồng” vận dụng Điểm a, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

**8. Hỗ trợ chi phí áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi:**

\* Hỗ trợ 40% chi phí áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, bao gồm thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP và các hình thức sản xuất nông nghiệp tốt khác được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận), cụ thể:

- Chi phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông, lâm sản áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi phí đánh giá chứng nhận 01 lần (lần đầu hoặc cấp lại).

*(Việc sản xuất an toàn là điều kiện trong thực hiện chính sách liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, được quy định tại Khoản 2, Điều 11 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ. Thực tế hiện nay, sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP còn hạn chế do nhiều khó khăn. Vì vậy, cần thực hiện hỗ trợ nội dung này.*

*Mức hỗ trợ đề xuất căn cứ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản*

\* Hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn tiên tiến, đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn. Hỗ trợ đánh giá chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm xuất khẩu; hỗ trợ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích của doanh nghiệp; hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu, kiểu dáng công nghiệp; tham gia giải thưởng chất lượng trong nước và Quốc tế.

Hỗ trợ tối đa 30% chi phí thực hiện nhưng không được vượt quá:

a) 30 triệu đồng/doanh nghiệp đối với việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn tiên tiến;

b) 10 triệu đồng/doanh nghiệp đối với hoạt động chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy và đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích;

c) 3 triệu đồng/nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp đăng ký trong nước;

d) 20 triệu đồng/nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp đăng ký ở nước ngoài;

đ) 50 triệu đồng/nhãn hiệu tập thể;

e) 15 triệu đồng đối với giải thưởng Chất lượng Quốc gia;

f) 30 triệu đồng đối với giải thưởng Chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương.

*(Định mức hỗ trợ đề nghị thực hiện theo Điều 10, Quyết định số*[*1439/QĐ-UBND*](https://thukyluat.vn/vb/quyet-dinh-so-1439-qd-ubnd-2011-doi-moi-ung-dung-tien-bo-khoa-hoc-cong-nghe-quang-tri-2d421.html)*ngày 20/7/2011 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị)*

*\** Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh.

*(Vận dụng theo Điểm e, Khoản 1, Điều 29 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngay 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông).*

**IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Ngân sách Trung ương hỗ trợ 80%, ngân sách Địa phương đảm bảo 20% kinh phí để cùng với ngân sách Trung ương thực hiện các nội dung của Đề án từ các nguồn sau:

1. Về Hỗ trợ tư vấn liên kết thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác;

2. Về Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết hiện theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

3. Về Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn, giống, vật tư bao bì, nhãn mác sản phẩm thực hiện theo quy định của các chương trình, dự án về khuyến nông; chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với hợp tác xã và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác, thực hiện theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

**V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Về công tác chỉ đạo, điều hành:**

Xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện tốt chính sách trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định cụ thể các nội dung, số lượng dự án, thời gian thực hiện, phân công cụ thể trách nhiệm của các ngành, địa phương có liên quan trong triển khai thực hiện.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước, chủ động thực hiện tốt công tác hướng dẫn lập dự án, ký kết các hợp đồng liên kết; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các dự án, kịp thời phát hiện, xử lý các vướng mắc phát sinh. Thường xuyên rà soát, kịp thời tham mưu UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi, hoặc kiến nghị Trung ương những bất cập về chính sách trong quá trình thực hiện.

**2. Về công tác truyền thông:**

Các sở, ngành tỉnh, các địa phương chủ động phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, nội dung tuyên truyền cụ thể các nội dung: Chính sách hỗ trợ, sự cần thiết, hiệu quả của việc thực hiện chủ trương, chính sách liên kết, các dự án liên kết có hiệu quả với hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú và liên tục để người nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp, chính quyền địa phương cấp xã nắm bắt kịp thời, đầy đủ thông tin và tích cực tham gia thực hiện.

**3. Về công tác cải cách thủ tục hành chính:**

Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, đơn giản hóa, thuận tiện thủ tục hành chính trong thực hiện dự án; nhất là, thủ tục về lập dự án đầu tư, tiếp cận vốn đầu tư, đầu tư cơ sở hạ tầng;…

**4. Nâng cao chất lượng, trách nhiệm của các chủ thể thực hiện dự án hoặc kế hoạch liên kết:**

Lựa chọn các doanh nghiệp có đủ năng lực, kinh nghiệm để tham gia đầu tư thực hiện các dự án chuỗi liên kết gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ nông sản trên địa bàn. Đồng thời, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về quản trị, lập kế hoạch sản xuất, xúc tiến thương mại cho các chủ dự án cánh đồng lớn.

 UBND cấp huyện có kế hoạch tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn để đảm bảo đủ điều kiện, năng lực tham gia hợp tác với các doanh nghiệp hoặc tự tổ chức xây dựng, thực hiện dự án chuỗi liên kết gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ nông sản.

 **5. Về công tác xúc tiến quảng bá sản phẩm nông sản Quảng Trị:**

Hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp có lợi thế, chủ lực của địa phương như: Lúa chất lượng cao, cà phê Hướng Hoá; chăn nuôi lợn, bò; chế biến thủy hải sản, rừng có chứng chỉ FSC,...; Tạo môi trường thuận lợi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất gắn với chế biến, kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích mạng lưới thương lái phát triển làm đầu mối thu mua, tiêu thụ sản phẩm cho nông ngư dân.

Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu các thị trường, xúc tiến thương mại gắn với từng sản phẩm hàng hoá. Tăng cường phối hợp, liên kết phát triển thị trường tiêu dùng nội địa tập trung vào thị trường các thành phố lớn và các tỉnh lân cận. Hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, đăng ký thương hiệu sản phẩm đối với nông sản chủ lực chất lượng cao, đặc sản tạo thương hiệu tin cậy đối với người tiêu dùng.

**Phần thứ** **ba**

 **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**I. ĐÁNH GIÁ VỀ HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI**

- Thay đổi nhận thức của nông dân từ sản xuất truyền thống sang sản xuất hàng hóa gắn với thị trường. Khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

- Tiến bộ kỹ thuật được ứng dụng đồng bộ trên diện tích lớn, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn với chất lượng đồng đều, thuận lợi cho việc ứng dụng cơ giới hóa trong các khâu sản xuất.

- Nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp (năng suất, chất lượng sản phẩm nâng cao, giá thành giảm, đầu ra ổn định).

- Góp phần xây dựng, củng cố và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, nâng cao trình độ chuyên môn hóa trong sản xuất. Doanh nghiệp xây dựng được vùng nguyên liệu ổn định, mạnh dạn đầu tư phát triển chế biến sâu từ đó góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông sản của địa phương.

- Chất lượng sản phẩm, vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong chuỗi được kiểm soát chặt chẽ.

**II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai các nội dung định hướng trong Đề án, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và thông báo công khai trên địa bàn tỉnh.

Tham mưu Phê duyệt hỗ trợ liên kết trên địa bàn theo thẩm quyền. Quy định phân cấp Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hỗ trợ liên kết trên địa bàn theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên kết.

Hằng năm, tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Uy ban nhân dân tỉnh.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các ngành có liên quan cân đối và phân bổ nguồn vốn thực hiện Ðề án từ nguồn vốn Trung ương phân bổ.

**3. Sở Tài chính**:

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, cân đối nguồn tham mưu ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bô trí ngân sách hỗ trợ thực hiện các nội dung của Đề án.

Định kỳ hàng tháng tổng hợp, cung câp thông tin về giá cả, dự báo thị trường sản phâm nông nghiệp cho các tổ chức, cá nhân và các bên tham gia liên kết biết, thực hiện.

**4. Sở Công thương:**

Hỗ trợ quảng bá sản phẩm hàng hoá thế mạnh của tỉnh; khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản gắn với thị trường tiêu thụ ổn định. Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia đẩy mạnh tiêu thụ nông sản từ các chương trình, dự án quy mô lớn, công nghệ cao.

**5. Sở Khoa học và Công nghệ:**

Hỗ trợ, thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật mới, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất. Ưu tiên lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ xây dựng các dự án liên kết có hiệu quả.

**6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai công tác đào tạo nghề, bồi dưỡng kiến thức phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm theo quy định.

**7. Sở Thông tin và Truyền thông:**

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt công tác tuyên truyền các nội dung, chính sách hỗ trợ của Đề án.

**8. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh** (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân) **và Hiệp hội ngành hàng**

- Thông tin, tuyên truyền, tư vấn, vận động và hỗ trợ các thành viên tham gia và thực hiện đúng hợp đồng liên kết; xây dựng, phát triển và bảo vệ uy tín, giá trị chung của các sản phẩm nông nghiệp; phát triển thị trường, xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm.

- Bảo vệ quyền và lợi ích của thành viên trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết; cung cấp các giải pháp, dịch vụ hỗ trợ thành viên nhằm chuẩn hóa quy trình kỹ thuật sản xuất, chất lượng sản phẩm; phương án đồng quản lý tài nguyên, môi trường sản xuất; ứng phó với khủng hoảng thị trường, biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

**9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:**

Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra tình hình thực hiện trên địa bàn; cân đối bố trí ngân sách cấp mình để hỗ trợ liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm theo quy định.

**Phần thứ tư**

**KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ**

1. **Kết luận:**

Thực hiện xây dựng đề án “**Hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”** là hết sức cần thiết nhằm hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tham gia liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tạo kết nối chuỗi sản xuất và tiêu thụ nông sản bền vững, hạn chế tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún. Đổi mới và phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức nông dân, HTX thông qua liên kết. Xây dựng vùng nguyên liệu ổn định phục vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất. Phát triển công nghiệp chế biến nông sản gắn với thị trường, xây dựng thương hiệu hàng hóa, nâng cao hiệu quả sản xuất và bảo vệ môi trường. Nâng cao thu nhập cho người dân thông qua việc nang cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, góp phẩn đẩy nhanh tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

**2. Đề nghị:**

Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua Đề án đề án “**Hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”** để các cấp, các ngành và địa phương làm cơ sở triển khai thực hiện./.

**DANH MỤC**

**DỰ THẢO**

**Ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩmtrên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*(Ban hành kèm theo Đề án hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị )*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị tính** | **Diện tích/Quy mô** | **Sản lượng/năm** | **Địa bàn sản xuất chính** | **Ghi chú** |
| **I** | **Trồng trọt** |  |  |  |  |  |
| 1 | Lúa  | ha | 50.708,3ha | 280.000 tấn | Huyện Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh, Vĩnh Linh |  |
| 2 | Cà phê | ha | 5.106,3 ha | 6.416,9 tấn | Huyện Hướng Hóa |  |
| 3 | Cao su | ha | 19.512 ha | 15.404,9 tấn | Gio Linh, Vĩnh Linh, Hướng Hóa, Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng |  |
| 4 | Hồ Tiêu | ha | 2.533 ha | 1.465,2 tấn | Vĩnh Linh, Hải Lăng, Gio Linh, Cam Lộ, Hướng Hóa |  |
| 5.1 | Nhóm cây dược liệu | ha | 115 ha | - | Đakrông, Hướng Hóa, Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh | Cà gai leo, Đinh Lăng, Lạc tiên, hương nhu, sả, bồ kết, chè vằng |
| 5.2 | Nhóm cây ăn quả | ha | 6.234,2 ha | - | Hướng Hóa, Hải Lăng, Đakrông, Gio Linh, Vĩnh Linh | Mít, chuối, bơ, cam, bưởi |
| 5.3 | Nhóm đặc sản địa phương | - | - | - |  Trong tỉnh | chuối tiêu hồng, môn, khoai, ném, ớt, đậu xanh… |
| **II** | **Lâm nghiệp** |  |  |  |  |  |
| 1 | Rừng sản xuất | ha | 110.538ha | 850.000m3 | Gio Linh, Vĩnh Linh, Hướng Hóa, Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng |  |
| **III** | **Thủy sản** |  |  |  |  |  |
| 1 | Tôm | ha | 1.300 ha | 6.575 tấn | Vĩnh Linh, Hải Lăng, Gio Linh, Triệu Phong, Đông Hà |  |
| 2 | Chế biến thủy hải sản |  |  | 24.192 tấn | Vĩnh Linh, Hải Lăng, Gio Linh, Triệu Phong, | Các dự án liên kết sơ chế, chế biến gắn với tiêu thụ  |
| **IV** | **Chăn nuôi** |  |  |  |  |  |
| 1 | Con Bò | con | 68.000 con | - | Gio Linh, Vĩnh Linh, Hướng Hóa, Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng, Đakrông |  |
| 2 | Con Lợn | con | 242.400 con | - | Trong tỉnh |  |

1. Biên bản ghi nhớ số 83/BB-QT-ĐG ngày 23 tháng 01 năm 2017 giữa UBND tỉnh Quảng Trị với Học viện nông nghiệp Việt Nam và Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao - Ninh Bình; [↑](#footnote-ref-2)
2. Biên bản ghi nhớ ngày 10/10/2017 về việc hợp tác phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao giữa UBND tỉnh Quảng Trị và Tập đoàn Sumitomo-Nhật Bản. [↑](#footnote-ref-3)
3. 3 Công ty TNHH 1 thành viên Lâm nghiệp và 564 hộ gia đình trên địa bàn tỉnh đã được cấp chứng chỉ rừng trồng, với tổng diện tích được cấp 20.343,57 ha (chiếm 11% trong cả nước). [↑](#footnote-ref-4)
4. Nước mắm Huỳnh Kế - Cửa Tùng - Vĩnh Linh; Hợp tác xã Đông Thanh; Hợp tác xã nông sản sạch Canh tác tự nhiên Triệu Phong, Hợp tác xã Thành Công – Vĩnh Trung – Vĩnh Linh... [↑](#footnote-ref-5)
5. Công ty TNHH cao dược liệu Định Sơn Mai Thị Thủy; Hợp tác xã Thành Công; HTX kinh doanh và dịch vụ nông sản Tây Vĩnh Thủy. [↑](#footnote-ref-6)
6. Gồm các HTX Tân Thành - Hướng Hóa; VanPa, Tổ hợp tác Tà Rụt – Đakrông; Trường Sơn - Vĩnh Tú; Nguyên Khang Garden, Tứ Hải - Hải Lăng; HTX nông sản sạch Canh tác tự nhiên Triệu Phong; [↑](#footnote-ref-7)
7. Gồm các HTX Nguyên Khang Garden, Tứ Hải - Hải Lăng; Nông sản sạch Canh tác tự nhiên Triệu Phong; [↑](#footnote-ref-8)
8. Gồm các HTX: Triệu Vân- Triệu Phong; Vĩnh Kim, Cỗ Mỹ -Vĩnh Linh, Nguyên Khang Garden, HTX gà Tứ Hải - Hải Lăng. [↑](#footnote-ref-9)
9. Theo Thông tư số 27/TT-BNNPTNTcủa Bộ Nông nghiệp và PTNT [↑](#footnote-ref-10)